

**DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA HÓA HỌC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (CHÍNH THỨC)  
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025-2026**

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/25- 26	XL HT HK1/25- 26	XL ĐRL HK1/25- 26	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
1	22147007	Lê Diệp Thy Anh	14	14	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.039.600		21.039.600		Hóa học
2	22147016	Võ Nguyễn Phương Anh	10	10	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	15.602.400		15.602.400		Hóa học
3	22147026	Lê Hiền Đức	15	10	9,12	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	15.602.400		15.602.400		Hóa học
4	22147041	Hồ Gia Huệ	12	12	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.321.000		18.321.000		Hóa học
5	22147105	Nguyễn Thành Phước	12	12	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.321.000		18.321.000		Hóa học
6	22247023	Nguyễn Hoàng Dũng	8	8	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	13.048.320		13.048.320		CNKT Hóa
7	22247024	Trần Văn Đước	12	8	8,75	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	11.960.960		11.960.960		CNKT Hóa
8	22247027	Phan Hồng Gấm	14	14	9,7	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	29.256.700		29.256.700		CNKT Hóa
9	22247031	Nguyễn Thị Minh Hạnh	8	8	8,65	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	11.960.960		11.960.960		CNKT Hóa
10	22247112	Lê Thị Thanh Thảo	8	8	8,68	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	11.960.960		11.960.960		CNKT Hóa
11	22247126	Tôn Thất Tiến	12	8	8,83	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.228.740		16.228.740		CNKT Hóa
12	23147002	Nguyễn Trường Tiến	12	12	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.715.200	10.298.000	14.417.200	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	Hóa học
13	23147035	Lâm Thi Thắng	12	12	9,23	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	22.655.600		22.655.600		Hóa học
14	23147036	Phan Tấn Thành	15	12	9,14	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.715.200		24.715.200		Hóa học
15	23147115	Phan Thùy Trúc	12	12	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	22.655.600		22.655.600		Hóa học
16	23247004	Trần Gia Bảo	12	10	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.231.480		24.231.480		CNKT Hóa
17	23247005	Lê Hồng Ngọc Giang	12	10	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.231.480		24.231.480		CNKT Hóa
18	23247006	Lâm Gia Hiếu	12	10	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.231.480		24.231.480		CNKT Hóa
19	24147003	Vũ Hoàng Minh	20	14	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.587.200		26.587.200		Hóa học
20	24147008	Phan Nguyễn Thanh Tài	20	14	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.587.200		26.587.200		Hóa học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/25- 26	XL HT HK1/25- 26	XL ĐRL HK1/25- 26	LOẠI HỌC BÔNG	MỨC HỌC BÔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
21	24147014	Huỳnh Minh Dũng	20	14	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.587.200		26.587.200		Hóa học
22	24147020	Đinh Ngọc Quý	20	14	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.587.200		26.587.200		Hóa học
23	24247012	Trần Đức Thịnh	18	14	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.524.240		25.524.240		CNKT Hóa
24	24247028	Đặng Minh Triết	18	14	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.524.240		25.524.240		CNKT Hóa
25	24247041	Nguyễn Bích An	18	14	9,01	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	23.397.220		23.397.220		CNKT Hóa
26	24247049	Hồ Gia Bảo	18	14	8,97	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	23.397.220		23.397.220		CNKT Hóa
27	25147001	Phu Mỹ Lan	15	13	9,84	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.812.600	9.505.250	13.307.350	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	Hóa học
28	25147002	Thái Triều Nam	15	13	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.812.600	14.257.875	8.554.725	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	Hóa học
29	25147037	Nguyễn Nhật Nam	15	13	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.812.600	19.010.500	3.802.100	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	Hóa học
30	25147087	Nguyễn Thị Huyền Trang	15	13	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.812.600		22.812.600		Hóa học
31	25147117	Hồ Thụy Trúc Lam	15	13	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.812.600		22.812.600		Hóa học
32	25147120	Nguyễn Khánh Linh	15	13	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.812.600		22.812.600		Hóa học
33	25147131	Nguyễn Quỳnh Như	15	13	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.812.600	19.010.500	3.802.100	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	Hóa học
34	25247013	Trần Hồng Đạt	15	11	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.216.000		21.216.000		CNKT Hóa
35	25247084	Phạm Ngọc Tạo	15	11	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.216.000		21.216.000		CNKT Hóa
36	25247105	Nguyễn Hồ Thiên Bảo	15	11	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.216.000		21.216.000		CNKT Hóa

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/25- 26	XL HT HK1/25- 26	XL ĐRL HK1/25- 26	LOẠI HỌC BÔNG	MỨC HỌC BÔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
37	25247111	Tôn Gia Gia	15	11	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.216.000		21.216.000		CNKT Hóa
38	25247140	Lê Gia Quy	15	11	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.216.000		21.216.000		CNKT Hóa
39	25247152	Lê Chí Tường	15	11	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.216.000		21.216.000		CNKT Hóa